

Bản án số: 04/2022/HC-ST

Ngày: 21 - 4- 2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu

Ông Phạm Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST-HC ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HC ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Dương Ngọc T**, sinh năm 1962, hộ khẩu thường trú: Tổ 1A, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh B ; tạm trú tại: số 283 L , phường T, thành phố Đì, tỉnh B(có mặt).

- Người bị kiện:

1. **Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh B** , địa chỉ: số 1377 đường Phú Riêng Đỏ, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Phạm Ngọc Hùng**, chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tư pháp thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (có mặt).

2. **Chủ tịch UBND tỉnh B**, địa chỉ: Đường 6 tháng 1, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh B: Ông Võ Đức Thiên, sinh năm 1981, chức vụ: Phó Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Đỗ Duy H**, sinh năm 1963, hộ khẩu thường trú: số 413A, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đ, tỉnh B; tạm trú: số 27 đường N, phường T, thành phố Đì, tỉnh B (có mặt).

2. Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1966, hộ khẩu thường trú: số 413A, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đ, tỉnh B; tạm trú: số 27 đường N, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt).

Bà Võ Thị B ủy quyền cho ông Đỗ Duy H tham gia tố tụng.

3. Bà **Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: Tô 1A, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh B ; tạm trú tại: số 283 L , phường T, thành phố Đ, tỉnh B(vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Bích H ủy quyền cho ông Dương Ngọc T tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2021, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 02/5/2021, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Dương Ngọc T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích H (vợ ông T) thống nhất trình bày:

Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59 (sau đây viết tắt là thửa đất số 72) có diện tích diện tích khoảng 2300m² có nguồn gốc ông T nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Trần Nữ vào năm 1991 với giá 03 lượng vàng có giấy mua bán viết tay với bà Nữ nhưng đã thất lạc. Năm 1998, khi Cơ quan Nhà nước tiến hành đo đạc chính quy đại trà ông T đi làm ăn xa không có ở địa phương nên thửa đất nêu trên trong bản đồ để vắng chủ. Đến khi 1999 ông T biết được có việc Nhà nước đo đạc đại trà để thực hiện việc kê khai đăng ký đất thì ông T có lên địa chính phường Tân Bình để kê khai đối với thửa đất trên, nhưng không biết lý do vì sao ông Nguyễn Cán bộ địa chính bảo là chưa thể kê khai được, từ đó về sau do không am hiểu pháp luật nên ông T sử dụng thửa đất trên nhưng chưa hề đăng ký kê khai để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Vào thời điểm khoảng năm 2000 đến 2006, ở địa phương có đưa giấy báo thuế về nhà ông T để đóng thuế đối với việc sử dụng thửa đất nêu trên ông T cho rằng có thực hiện việc đóng thuế nhiều lần cho Nhà nước nhưng không cung cấp được các tài liệu hoá đơn, biên lai đóng thuế chứng minh.

Năm 2015 ông T có nhờ bà Nữ xác nhận lại nội dung trên, trong đó có ông Võ Tấn Lập và ông Ma Văn Quyết trưởng khu phố là người làm chứng. Khi nhận chuyển nhượng thửa đất trên từ bà Nữ đã ra thực tế bàn giao cho ông T toàn bộ thửa đất có vị trí tứ cận (hướng đông giáp công tâm vòng, hướng tây giáp ông Đặng Thành Ân, hướng nam giáp ông Vũ Xuân Trường, hướng Bắc giáp bà Phạm Trần Nữ và ông Sắc), lúc này trên đất đã có ruộng lúa nước của bà Nữ canh tác trước đó, ông T tiếp tục canh tác đến năm 1995 ông T đã thuê ông Vũ Xuân Lương và ông Lê Văn Sử ủi đất ruộng để đắp lên đường ĐT 741 nhằm cải tạo đất làm nhà. Sau đó được nhà nước cấp GCNQSDĐ. Đất thuộc thửa đất số 16 tờ bản đồ số 59 một phần thuộc thửa đất số 72; tờ bản đồ số 59. Năm 2014, ông T chuyển nhượng thửa đất số 16 tờ bản đồ số 59 cho ông Nguyễn Mạnh Đức; thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59 còn lại diện tích khoảng 739,5 m² ông T vẫn quản lý sử dụng.

Năm 2015, ông T phát hiện ông Đỗ Duy H lấn chiếm và xây dựng nhà trên thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59 nên đã làm đơn gửi đến UBND phường Tân Bình trình báo vụ việc và yêu cầu giải quyết tranh chấp. Sau đó UBND phường Tân Bình tổ chức hòa giải nhưng các bên không hòa giải được. Năm 2017 ông T tiếp tục gửi đơn đến UBND thành phố Đồng Xoài (nay là UBND thành phố Đồng Xoài) để đề nghị giải quyết vụ việc. Ngày 27/9/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài ban hành

Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh B “về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Dương Ngọc T, ngụ tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài và ông Đỗ Duy H, ngụ tại khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, ông T tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B và ngày 05/3/2020, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 418/QĐ-UBND với nội dung bác khiếu nại của ông T.

Cho rằng việc Chủ tịch UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông T và ông H là không đúng và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Ngày 26/02/2021, ông T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên hủy các quyết định hành chính như sau, cụ thể:

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 2509/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh B “về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Dương Ngọc T, ngụ tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài và ông Đỗ Duy H, ngụ tại khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài”.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 418/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Dương Ngọc T, ngụ tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài với ông Đỗ Duy H, ngụ tại khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài (lần hai).

Tại văn bản trình bày ý kiến số 1576/UBND-NC ngày 19/8/2021, người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Phạm Ngọc Hùng thống nhất trình bày:

Năm 2015, ông Dương Ngọc T có đơn gửi Ủy ban nhân dân phường Tân Bình về việc ông Đỗ Duy H lấn chiếm đất của ông T xây dựng quán tại tổ 1A, khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, vụ việc được UBND phường Tân Bình thụ lý và thực hiện việc hòa giải nhưng không thành.

Năm 2017, ông Dương Ngọc T tiếp tục gửi đơn đến Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài (nay là UBND thành phố Đồng Xoài) đề nghị giải quyết, vụ việc được Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài thụ lý tại Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 14/7/2017, giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố chủ trì phối hợp với UBND phường Tân Bình thẩm tra, xác minh tham mưu giải quyết.

* Kết quả thẩm tra, xác minh:

Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê phường Tân Bình thể hiện: Thửa đất mà ông Dương Ngọc T tranh chấp với ông Đỗ Duy H là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59, có tổng diện tích 674,6m² tọa lạc tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, ghi ký hiệu mục đích sử dụng là: AOK (ao khác). Trước năm 1990, khu vực này là đầm lầy, do thiên nhiên tự tạo thành dòng chảy (mương nước), sau này gọi là Suối Tâm Vông. Đến năm 2010, ông Đỗ Duy H làm một căn nhà lá, diện tích 86,24m² sử dụng làm quán trên một phần thửa đất này, không có giấy phép xây dựng, toàn bộ diện tích vi phạm hành lang bảo vệ Suối Tâm Vông, Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài đã ban hành Quyết định số 8787/QĐ-UBND ngày 16/12/2010 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đỗ Duy H, ngoài hình thức phạt chính 12.500.000 đồng còn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông H ngừng thi công xây dựng và tự tháo dỡ toàn bộ

công trình xây dựng vi phạm (đến nay ông H vẫn chưa chấp hành tháo dỡ). Theo bản đồ đo đạc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59, được Công ty TNHH. MTV Tân Thành thực hiện, được Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Phước thẩm định ngày 05/8/2019 thể hiện: Thửa đất số 72 nêu trên, ông Đỗ Duy H đang sử dụng diện tích 452,3m²/676,7m². Ngày 08/10/2018, Tổ giải quyết đơn 3172 có biên bản làm việc với ông Dương Ngọc T ghi nhận nội dung ông T trình bày như sau: Năm 1991, ông Dương Ngọc T có nhận chuyển nhượng của bà Phạm Trần Nữ một thửa ruộng, có diện tích khoảng 2.300m², tại thửa số 72, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, khi chuyển nhượng đất giữa ông và bà Nữ không làm giấy tờ sang nhượng (chỉ chuyển nhượng bằng lời nói). Sau khi sang nhượng đất, ông T sử dụng trồng lúa nước, đến năm 1996 ông T móc ruộng lấy đất; từ năm 1996 đến nay ông T không sử dụng và ông cũng chưa từng đăng ký kê khai, đăng ký sử dụng thửa đất nêu trên, việc ông H lấn chiếm sử dụng từ thời điểm nào ông T không biết.

Về phía ông Đỗ Duy H: Tại biên bản hòa giải việc tranh chấp đất đai giữa ông Dương Ngọc T và ông Đỗ Duy H do Ủy ban nhân dân phường Tân Bình lập ngày 06/4/2016, ông H cho biết: Diện tích tranh chấp đất với T là do nhận chuyển nhượng của ông T năm 1999, xây dựng nhà năm 2005. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 04/8/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường với ông Đỗ Duy H, ông H khai nhận diện tích đất tranh chấp nêu trên là do ông H mua của ông Huỳnh Ngọc Châm năm 1990, có giấy tay nhưng đã thất lạc là không thống nhất, không đúng sự thật với tài liệu, chứng cứ thu thập, xác minh của Tổ 3172, vì ông H không cung cấp được giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59 nêu trên. Mặt khác, việc ông H làm nhà lá diện tích 86,24m² vào năm 2010 (*không phải 2005 như ông H khai*) đã được Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài xử phạt tại Quyết định số 8787/QĐ-UBND ngày 16/12/2010; Thửa đất của ông Đỗ Duy H quản lý sử dụng là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 59, diện tích 845,1m² (*liên kể với thửa số 72*), đã được Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01254 ngày 31/12/2004, do nhận thừa kế từ cha là ông Đỗ Nguyên Sắt. Như vậy, qua làm việc với Tổ giải quyết đơn 3172, ông Dương Ngọc T và ông Đỗ Duy H không cung cấp được chứng cứ hoặc giấy tờ gì để chứng minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tranh chấp theo Điều 100, Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, cụ thể:

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 91, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về căn cứ để giải quyết tranh chấp đất đai như sau:

1. Tranh chấp đất đai trong trường hợp các bên tranh chấp không có Giấy chứng nhận hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện dựa theo các căn cứ sau:

a) Chứng cứ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất do các bên tranh chấp đất đai đưa ra;

b) Thực tế diện tích đất mà các bên tranh chấp đang sử dụng ngoài diện tích đất đang có tranh chấp và bình quân diện tích đất cho một nhân khẩu tại địa phương;

c) Sự phù hợp của hiện trạng sử dụng thửa đất đang có tranh chấp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

d) Chính sách ưu đãi người có công của Nhà nước;

đ) Quy định của pháp luật về giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất.

Điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định các giấy tờ khác lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 100 của Luật Đất đai có tên người sử dụng đất, bao gồm:

1. Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980.

2. Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý.

Từ kết quả thẩm tra, xác minh trên cho thấy nội dung ông Dương Ngọc T cho rằng thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59, thuộc khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình là của ông T nhận chuyển nhượng năm 1991, tranh chấp với ông Đỗ Duy H nêu trên là không có cơ sở, bởi những lý do sau:

- Trong quá trình tranh chấp và làm việc với các cơ quan chức năng, ông Dương Ngọc T không cung cấp được giấy tờ, chứng cứ để chứng minh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59 thuộc quyền quản lý sử dụng của ông theo quy định tại Điều 100, Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trong quá trình tranh chấp ông T cũng không biết được ranh mốc đất tranh chấp và các hộ lấn chiếm sử dụng từ thời điểm nào.

- Ông Dương Ngọc T là người sinh sống tại địa phương, nhưng chưa từng kê khai, đăng ký sử dụng đối với thửa đất nêu trên, trong khi đó năm 2004, ông T có kê khai đăng ký đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59 giáp với thửa đất số 72 và đã được Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01050/QSĐĐ/3340/QĐ-UB ngày 21/9/2004.

- Việc ông Đỗ Duy H làm căn nhà lá, diện tích 86,24m² sử dụng làm nhà quán trên một phần thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59 không có giấy phép xây dựng, toàn bộ diện tích vi phạm hành lang bảo vệ Suối Tầm Vông, Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài đã ban hành Quyết định số 8787/QĐ-UBND ngày 16/12/2010 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đỗ Duy H, ngoài hình thức phạt tiền 12.500.000 đồng, còn buộc ông H tự phá dỡ toàn bộ công trình xây dựng với diện tích 86,24m² nêu trên. Ông H đã chấp hành nộp số tiền xử phạt nhưng không chấp hành tháo dỡ nhà theo Quyết định, mà còn lấn chiếm thêm diện tích 366,06m² đất (452,3m² - 86,24m²) tại thửa 72, tờ bản đồ số 59 để sử dụng là hành vi lấn chiếm đất đai thuộc một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12, Luật Đất đai năm 2013.

Từ những cơ sở nêu trên, ngày 27/9/2019 Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài đã ban hành Quyết định số 2509/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Dương Ngọc T, ngụ tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài tranh chấp đất với ông Đỗ Duy H tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, trong đó không công nhận nội dung đơn của ông Dương Ngọc T tranh chấp đất với ông Đỗ Duy H tại thửa số 72, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành và nội dung Quyết định số 2509/QĐUBND ngày 27/9/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài là đúng quy định của pháp luật. Việc ông Dương Ngọc T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định Số 2509/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Ủy ban

nhân dân thành phố Đồng Xoài là không có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét, bác đơn khởi kiện của ông Dương Ngọc T.

Do bận công tác nên người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại văn bản trình bày ý kiến số 1977/UBND-NC ngày 16/6/2021, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh B và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Võ Đức Thiên thống nhất trình bày:

Khu đất hiện ông Dương Ngọc T đang tranh chấp với ông Đỗ Duy H có diện tích 452,3m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài. Trước năm 1990, khu vực này là vùng đất trũng, đầm lầy, theo thời gian tạo thành dòng chảy (mương nước), sau này gọi là Suối Tầm Vông. Thời điểm đó, hộ ông Huỳnh Ngọc Châm (ông Ba Châm) có đến bao chiếm sử dụng đất tại khu vực này và sang nhượng lại cho các hộ dân khác. Tuy nhiên, do khu vực này thường xuyên bị ngập nước nên các hộ dân thường bỏ đất trống, không sử dụng. Khoảng năm 1996, ông Dương Ngọc T có đến ủi đất tại khu vực đất trên nhưng không có sử dụng đất và sau đó ông T đã bỏ đi nơi khác sinh sống. Năm 1998, UBND tỉnh triển khai đo đạc bản đồ địa chính chính quy và kê khai, đăng ký, cấp GCNQSD đất cho người dân trên địa bàn thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài). Tại thời điểm kê khai, đăng ký, cấp GCNQSD đất, thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59, có tổng diện tích 674,6m², mục đích sử dụng: AOK (ao khác) không có ai kê khai, đăng ký sử dụng. Năm 2010, ông Đỗ Duy H có dựng một căn nhà lá, diện tích 86,24m² sử dụng làm quán trên một phần thửa đất nêu trên. Do việc xây dựng không có giấy phép, toàn bộ diện tích vi phạm hành lang bảo vệ Suối Tầm Vông nên UBND thị xã Đồng Xoài đã ban hành Quyết định số 8787/QĐ-UBND ngày 16/12/2010 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đỗ Duy H, với số tiền 12,5 triệu đồng, đồng thời buộc ông Đỗ Duy H ngừng thi công xây dựng và tự tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng vi phạm. Sau đó, ông Đỗ Duy H đã chấp hành nộp phạt nhưng không chấp hành tháo dỡ công trình và còn lấn chiếm thêm diện tích tại thửa đất trên để sử dụng, với tổng diện tích hiện nay ông Đỗ Duy H đang sử dụng là 452,3m² (diện tích đất hiện đang tranh chấp). Năm 2015, ông Dương Ngọc T có đơn tranh chấp đất đai với ông Đỗ Duy H gửi UBND phường Tân Bình xem xét, giải quyết. Ngày 06/4/2016, UBND phường Tân Bình đã tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông Dương Ngọc T và ông Đỗ Duy H. Tuy nhiên, kết quả hòa giải không thành nên ông Dương Ngọc T tiếp tục làm đơn gửi Chủ tịch UBND thị xã Đồng Xoài xem xét, giải quyết.

Ngày 27/9/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài ban hành Quyết định số 2509/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Dương Ngọc T, ngụ tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài và ông Đỗ Duy H, ngụ tại khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, với nội dung: *“Không công nhận nội dung đơn của ông Dương Ngọc T tranh chấp đất với ông Đỗ Duy H tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình”*.

Không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, ông Dương Ngọc T tiếp tục làm đơn tranh chấp đất đai (lần hai) gửi Chủ tịch UBND tỉnh B xem xét, giải quyết.

* Qua làm việc với UBND phường Tân Bình được biết: Từ khi đo đạc bản đồ địa chính năm 1998 cho đến năm 2015 thì thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59 không có ai kê khai đăng ký, sử dụng. Đến năm 2015 thì ông Dương Ngọc T phát sinh tranh chấp tại thửa đất trên cho đến nay. Năm 2010, ông Đỗ Duy H xây dựng công trình trái phép tại thửa đất trên, đã bị UBND thị xã Đồng Xoài xử phạt vi phạm hành chính và buộc tháo dỡ công trình nhưng sau đó ông H không chấp hành việc tháo dỡ mà còn lấn chiếm thêm diện tích tại thửa đất trên để sử dụng cho đến nay (phần diện tích 452,3m² hiện đang tranh chấp) là hành vi lấn chiếm đất thuộc một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12 Luật Đất đai 2013. Vừa qua, UBND phường Tân Bình đã tổ chức làm việc với ông Đỗ Duy H để yêu cầu ông H trả lại phần diện tích đất 452,3m² đã lấn chiếm thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59 nhưng ông H không đồng ý nên UBND phường Tân Bình đã có Báo cáo vụ việc với UBND thành phố Đồng Xoài để xử lý.

* Qua làm việc với một số hộ dân sống lâu năm tại địa phương được biết: Khu đất đang tranh chấp nêu trên trước đây là vùng đất trũng sâu, thường xuyên bị ngập nước, hộ ông Huỳnh Ngọc Châm (ông Ba Châm) có bao chiếm sử dụng được một thời gian thì sang nhượng lại cho các hộ dân khác (trong đó có bà Phạm Trần Nữ). Khoảng năm 1991, ông Dương Ngọc T có nhận sang nhượng đất của bà Phạm Trần Nữ tại khu vực trên. Sau khi nhận sang nhượng, ông T có thuê người ủi đất và đến năm 1996 thì ông T chuyển đi nơi khác sinh sống, không còn sử dụng thửa đất trên. Sau khi ông T chuyển đi nơi khác, thửa đất trên bỏ trống không ai sử dụng. Đối với hộ ông Đỗ Duy H (cha là ông Đỗ Nguyên Sắt) do có đất giáp ranh với thửa đất đang tranh chấp nêu trên nên trong quá trình sử dụng ông Đỗ Duy H đã lấn chiếm, mở rộng diện tích sử dụng luôn cả phần diện tích thửa đất này. Về thời điểm ông Đỗ Duy H sử dụng tại thửa đất trên khi nào thì các hộ không nắm rõ.

* Về hiện trạng sử dụng đất: Khu đất hiện ông Dương Ngọc T đang tranh chấp với ông Đỗ Duy H có diện tích 452,3m² (theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Tấn Thành đã được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và ký xác nhận ngày 05/8/2019) thuộc một phần diện tích thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59 (bản đồ địa chính phường Tân Bình đo vẽ năm 1998). Khu đất này hiện do ông Đỗ Duy H đang sử dụng, ông H đã xây dựng nhà cấp 4 và làm quán cho thuê trên toàn bộ diện tích đất.

Ngày 05/3/2020, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 418/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Dương Ngọc T, ngụ tại: Khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài với ông Đỗ Duy H, ngụ tại: Khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, với nội dung: “*Không công nhận nội dung tranh chấp đất đai của ông Dương Ngọc T đối với diện tích đất 452,3m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài*”.

Quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh B: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành và nội dung Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B đảm bảo và chính xác theo quy định của pháp luật. Vì vậy, giữ nguyên quan điểm theo nội dung Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Dương Ngọc T với ông Đỗ Duy H. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đưa vụ án ra xét xử theo trình tự vụ án hành chính sơ thẩm.

Do bận công tác nên Chủ tịch UBND tỉnh B xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Duy H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị B trình bày:

Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59 (sau đây viết tắt là thửa đất số 72) có diện tích khoảng 600m² hiện đang tranh chấp có nguồn gốc vào năm 1990, ông Đỗ Duy H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Huỳnh Ngọc Châm (Ba Châm) và bà Nguyễn Thị Kim Châu một thửa đất ruộng thuộc một phần diện tích thửa đất số 359, tờ bản đồ 18 theo Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 161 do ông Trần Minh Đức thay mặt Hội đồng đăng ký ruộng đất ký ngày 02 tháng 9 năm 1985 đứng tên bà Nguyễn Thị Kim Châu ngày 02/09/1985 (bà Châu thời điểm đó chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất số 359 này). Khi chuyển nhượng các bên không lập giấy tờ gì, không tiến hành đo đạc, cắm mốc, mà chỉ có ra chỉ thửa đất để cho ông H sử dụng. Đến năm 2000, các bên mới ký kết lại giấy tờ chuyển nhượng, có người làm chứng và chính quyền địa phương xác nhận.

Ông H cho rằng đã quản lý, sử dụng thửa đất số 72 liên tục từ năm 1990 đến nay, cụ thể: Từ năm 1990 đến năm 1995: ông H cho vợ ông Sáu Lúi (không nhớ được họ và tên cụ thể) trồng rau muống; Từ năm 1995 đến năm 1999: ông H thuê ông Vũ Xuân Lương ủ ao nuôi cá (hiện ông Lương là Bí thư Chi bộ khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài; hiện cư trú sau Nhà hàng Hương Biển); Năm 1999: ông H thuê đội thi công làm đường đắp đất lấy mặt bằng. Khi đang đắp đất thì ông Dương Ngọc T đến tranh chấp, do không muốn dừng công việc để giải quyết tranh chấp nên ông H đã đưa cho ông T 4.000.000đồng để ông T không tranh chấp nữa (việc đưa tiền này không phải là nhận chuyển nhượng đất của ông T); Năm 2005: ông H làm nhà nuôi heo. Sau đó không nuôi nữa mà cho ông Nguyễn Văn Váy thuê mở quán nhậu; Năm 2010: ông H không cho ông Váy thuê đất nữa và lấy lại đất làm nhà lá mở rộng quán nhậu thì bị Đội QLĐT thị xã Đồng Xoài đến lập biên bản, UBND thị xã Đồng Xoài ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 12.500.000đ (ông H đã chấp hành nộp phạt) và buộc ông H tháo dỡ nhà lá; Năm 2011: ông H tháo dỡ nhà lá, lùi vào trong xây nhà cấp 4 mở quán nhậu cho thuê đến nay.

Việc ông T đưa người tới đo đạc bản đồ 03 lần cho 03 kết quả khác nhau, 02 lần đầu thì ông H có tham gia nhưng diện tích đo đạc rất lớn, lần thứ 03 ông H không tham gia lại có diện tích ít hơn nhưng diện tích đo đạc theo bản đồ vẫn đề lên diện tích đất các hộ xung quanh đã có GCNQSDĐ. Bản đồ không có chữ ký của các hộ đất giáp ranh bởi vì ông T không có đất ở đây.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và thực tế sử dụng đất, ông H đề nghị TAND tỉnh Bình Phước bác đơn khởi kiện của ông Dương Ngọc T.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không tiến hành đối thoại được, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người khởi kiện ông Dương Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài và quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Căn cứ để hủy hai quyết định trên là:

- + Ông T có giấy xác nhận của người bán đất là bà Phạm Trần Nữ.
- + Thửa đất của ông đã được thể hiện trên bản đồ Đồng Xoài.
- + Ông H cho rằng ông không có đất nhưng trong giấy mua bán đất của ông H lại ghi cạnh phía Nam giáp đất của ông.
- + Ông H đã khai đất của ông H mua của ông Châm năm 1990, vậy thì tại sao năm 1993 ông Châm lại có đất bán cho người khác.

+ Ông T từng ủi đất.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B và Chủ tịch UBND thành phố Đ thống nhất với ý kiến của người bị kiện tại các văn bản trình bày ý kiến như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- *Đối tượng khởi kiện:*

Ông Dương Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định hành chính như sau:

1. Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND TP.Đ, tỉnh B về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Dương Ngọc T, ngụ tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài với ông Đỗ Duy H, ngụ tại khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài (sau đây được viết tắt là Quyết định số 2509/QĐ-UBND).

2. Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Dương Ngọc T, ngụ tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài với ông Đỗ Duy H, ngụ tại khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài (lần hai) (sau đây được viết tắt là Quyết định số 418/QĐ-UBND).

Đây là các quyết định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính

- *Thời hiệu khởi kiện*: Đối với các quyết định hành chính hành chính nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

- *Thẩm quyền giải quyết*: Đối với các quyết định hành chính hành chính nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

- *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho các người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh B, Chủ tịch UBND thành phố Đ. Tuy nhiên, những đương sự này đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên là phù hợp.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2509/QĐ-UBND

[2.1.1] *T có căn cứ về hình thức*:

Quyết định số 2509/QĐ-UBND được ban hành dưới dạng quyết định là thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013 và Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

[2.1.2] *Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành*:

- Thẩm quyền ban hành:

Việc Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2509/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai giữa các bên không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

- Trình tự, thủ tục ban hành:

Năm 2015, sau khi phát hiện ông Đỗ Duy H lấn chiếm xây nhà trên phần đất có diện tích khoảng 2300 m², tại thửa 72, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài), ông T gửi đơn đến UBND phường Tân Bình đề nghị giải quyết tranh chấp và được UBND phường Tân Bình thụ lý và thực hiện việc hòa giải nhưng không thành.

Năm 2017, ông T tiếp tục gửi đơn đến UBND thị xã Đồng Xoài đề nghị giải quyết, vụ việc được UBND thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài) thụ lý tại Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đồng Xoài chủ trì phối hợp với UBND phường Tân Bình thẩm tra, xác minh. Qua quá trình thẩm tra, xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ, làm việc với đương sự ngày 09/9/2019 Tổ giải quyết đơn 3172 ban hành báo cáo số 431/BC-TGQĐ về kết quả thẩm tra, xác minh nội dung đơn của ông Dương Ngọc T tranh chấp đất đai với ông Đỗ Duy H và tờ trình số 1856/TTr-TNMT. Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh và tờ trình của Tổ giải quyết đơn 3172, ngày 27/9/2019 Chủ tịch UBND

thành phố Đồng Xoài ban hành Quyết định số 2509/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều 203 Luật đất đai năm 2003; Điều 88, 89, 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;

[2.1.3] Thời hạn, thời hiệu ban hành:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông T, ngày 14/7/2017 Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài ban hành Quyết định số 3090 giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đồng Xoài chủ trì phối hợp với UBND phường Tân Bình thẩm tra, xác minh đề xuất hướng xử lý đơn khiếu nại của ông T; ngày 09/9/2019 Tổ giải quyết đơn 3172 đã ban hành báo cáo số 431; ngày 27/9/2019 Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài đã ban hành Quyết định số 2509/QĐ-UBND là chưa đảm bảo thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.1.4] Về nội dung Quyết định số 2509/QĐ-UBND

Tại phiên tòa, người khởi kiện ông Dương Ngọc T cho rằng: Năm 1993, ông T có sang nhượng của bà Phạm Trần Nữ một thửa ruộng có diện tích khoảng 2300m², tại thửa số 72, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, khi sang nhượng đất giữa ông và bà Nữ không làm giấy tờ sang nhượng, sau khi sang nhượng ông trồng lúa nước, đến năm 1996 ông T móc ruộng lầy đất, vào thời điểm năm 1996 do đi làm ăn xa và từ đó đến nay ông T chưa từng đăng ký kê khai, đăng ký sử dụng thửa đất nêu trên. Năm 2015 ông T phát hiện ông Đỗ Duy H lấn chiếm xây dựng nhà trên phần đất của ông. Do đó, ông T yêu cầu ông H trả lại đất cho ông sử dụng theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả thẩm tra xác minh (bút lục 431) của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đồng Xoài thì thửa đất mà ông T tranh chấp với ông H là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59, có tổng diện tích 674,6m² tọa lạc tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, ghi ký hiệu mục đích sử dụng là: AOK (ao khác). Năm 1990, khu vực này là đầm lầy, do thiên nhiên tự tạo thành dòng chảy (Mương nước), sau này gọi là suối Tầm Vông. Năm 1998, UBND tỉnh triển khai đo đạc chính quy và kê khai cấp GCNQSDĐ trên địa bàn thị xã Đồng Xoài thì thửa đất số 72 nêu trên không có người nào kê khai, đăng ký sử dụng. Đến năm 2010, ông Đỗ Duy H làm một căn nhà lá, diện tích 86,24m² sử dụng làm quán trên một phần thửa đất này, không có giấy phép xây dựng, toàn bộ diện tích vi phạm hành lang bảo vệ Suối Tầm Vông, Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài đã ban hành Quyết định số 8787/QĐ-UBND ngày 16/12/2010 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đỗ Duy H, ngoài hình thức phạt chính 2.500.000 đồng còn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông H ngừng thi công xây dựng và tự tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng vi phạm. Theo bản đồ đo đạc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59, được Công ty TNHH. MTV Tấn Thành thực hiện, được Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Phước thẩm định ngày 05/8/2019 thể hiện: Thửa đất số 72 nêu trên, ông Đỗ Duy H đang sử dụng diện tích 452,3m²/676,7m².

Xét thấy, trong quá trình Tòa án giải quyết ông T không cung cấp được giấy tờ, chứng cứ hợp pháp để chứng minh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59 thuộc quyền quản lý sử dụng của ông theo quy định tại Điều 100, Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18, Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trong quá trình tranh chấp ông T cũng không biết được ranh mốc đất tranh chấp và các hộ lấn chiếm sử dụng từ thời điểm nào. Mặt khác, ông T là người sinh sống tại địa phương, nhưng ông không sử dụng cũng như chưa từng kê khai, đăng ký sử dụng đối với thửa

đất nêu trên, trong khi đó năm 2004, ông T có kê khai đăng ký đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59 giáp với thửa đất số 72 và đã được Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01050/QSDĐ/3340/QĐ-UB ngày 21/9/2004; Ông T cho rằng ông vẫn đang quản lý, sử dụng thửa đất số 72 nhưng từ năm 2010 khi ông H xây dựng căn nhà lá, diện tích 86,24m² sử dụng làm quán trên một phần thửa đất này ông T lại không có ý kiến phản đối gì, đến năm 2015 thì ông T mới có đơn gửi cơ quan chức năng để giải quyết tranh chấp. Do đó, việc ông T cho rằng thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59 thuộc quyền quản lý sử dụng của ông là không có căn cứ. Việc Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài ban hành Quyết định số 2509/QĐ-UBND với nội dung bác khiếu nại của ông T là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 418/QĐ-UBND

[2.2.1] *Tính có căn cứ về hình thức:*

Quyết định số 418/QĐ-UBND được ban hành dưới dạng quyết định là thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013 và Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

[2.2.2] *Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:*

- Thẩm quyền ban hành:

Quyết định số 418/QĐ-UBND được ban hành để giải quyết khiếu nại của ông T đối với Quyết định số 2509/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh B theo quy định tại Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

- Trình tự, thủ tục ban hành:

Sau khi nhận được Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài. Không đồng ý với quyết định nêu trên ngày 22/10/2019 ông T làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh B đề nghị giải quyết khiếu nại. Ngày 30/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2271/QĐ-UBND về việc thụ lý và giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của ông T. Qua quá trình thẩm tra, xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ, làm việc, đối thoại với đương sự, ngày 09/01/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh đã ban hành báo cáo số 04/BC-STNMT về kết quả xác minh đơn khiếu nại của ông T.

Trên cơ sở báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, ngày 05/3/2020 Chủ tịch UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 418/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại lần 2 đối với khiếu nại của ông T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 88, 89, 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Điều 7, 36, 38, 39, 40, 41 của Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2.3] *Thời hạn, thời hiệu ban hành:*

- Thời hạn ban hành: Sau khi nhận được đơn khiếu nại đề ngày 18/10/2019 của ông T, Ngày 30/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2271 về việc thụ lý và giao nhiệm vụ xác minh; ngày 09/01/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh đã ban hành báo cáo số 04; ngày 05/3/2020 Chủ tịch UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 418/QĐ-UBND là chưa đảm bảo thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 37 Luật khiếu nại.

- Thời hiệu ban hành: Ngày 18/10/2019 ông T làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh B là còn trong thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 9 Luật khiếu nại. Do đó, việc thụ lý và giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh B đối với ông Tinh là đúng quy định pháp luật.

[2.2.4] Về nội dung Quyết định số 418/QĐ-UBND

Ngoài những nội dung như đã phân tích tại Mục 2.1.4, ông T không cung cấp được giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, mặc dù ông T cho rằng, năm 1999 ông có tiền hành ủi đất tại khu vực trên nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông xác nhận ủi đất là để lấy đất mặt san lấp cho thửa đất hiện ông đã được cấp GCNQSDĐ chứ không phải san ủi để sử dụng liên tục từ đó đến nay. Do đó, việc Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài ban hành Quyết định số 2509/QĐ-UBND và Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 418/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông T với nội dung bác khiếu nại của ông T đối với diện tích đất 452,3m² thuộc một phần của thửa đất số 72, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Quyết định số 2509/QĐ-UBND và Quyết định số 418/QĐ-UBND tuy chưa đảm bảo về thời hạn giải quyết khiếu nại nhưng đúng về thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục và nội dung ban hành quyết định. Xét thấy, việc vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Do đó, việc hủy Quyết định số 2509/QĐ-UBND và Quyết định số 418/QĐ-UBND là không cần thiết nên yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND tỉnh B có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, được chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Dương Ngọc T phải chịu theo quy định. Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Chủ tịch UBND tỉnh B không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 7, Điều 9, Điều 21, Điều 28, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 64, Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26 Luật đất đai năm 1993; Điều 18; Điều 88, Điều 89, Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1, 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Ngọc T, cụ thể:

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND TP. Đ, tỉnh B về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Dương Ngọc T, ngụ tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài với ông Đỗ Duy H, ngụ tại khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Dương Ngọc T, ngụ tại khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài với ông Đỗ Duy H, ngụ tại khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài (lần hai).

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Dương Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 015414, ngày 28/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không phải chịu.

3. Quyền kháng cáo: Ông Dương Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích H, ông Đỗ Duy H, bà Võ Thị B có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THA Dân sự tỉnh Bình Phước;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử TAND tối cao;
- Lưu: Hồ sơ VA, Tòa HC, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi (đã ký)